

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/ECL/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ECOLEAN VIỆT NAM**

Địa chỉ: L15.03, Tầng 15, Tháp A (The Hallmark), Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1 - Số 15, đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 3997 7039

E-mail: info@ecolean.se

Mã số doanh nghiệp: 0317845782

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **BAO BÌ PHỨC HỢP DÙNG ĐỂ ĐỰNG THỰC PHẨM DẠNG LÔNG**
- Thành phần: Polyethylene (PE) (Lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm), Polyethylene (PE), Polyolefin chứa khoáng chất có sắc tố trắng và đen (PE(Carbon Black)), Polyolefin biến tính (PE(Tie)), EVOH, Polyolefin biến tính (PE(Tie)), Polyolefin chứa khoáng chất có sắc tố trắng (PE), Polypropylen (PP) và mực in.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Ecolean. Ngày sản xuất, hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói thành cuộn và mỗi cuộn được bọc bởi túi nylon. Các cuộn được xếp chồng trên pallet gỗ và bọc bằng màng nhựa PP/PE bên ngoài (có thể có thêm lớp carton bảo vệ bên ngoài). Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
 - Thông số kỹ thuật:
Dung tích: 125 ml, 200 ml, 250 ml
Kích thước (H x W): 130 mm x 103.3 mm, 165 mm x 103.3 mm, 185 mm x 103.3 mm.
Khối lượng tịnh: 4.6 g/túi; 5.6 g/túi, 6.1 g/túi ($\pm 0.5g$)



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: Ecolean Aktiebolag

Địa chỉ: PO BOX 812, SE-251 08 Helsingborg, Sweden (Thụy Điển)

Địa chỉ nhà máy: Kielergatan 48, 25232 Helsingborg, Sweden (Thụy Điển)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1/2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thối	Dung dịch ngâm thối	Giới hạn tối đa
Chì	100µg/g	Kim loại nặng	60°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1µg/ml
Cadimi	100µg/g	Lượng KmnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thối	Dung dịch ngâm thối	Giới hạn tối đa
Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml [a]
	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
		Nước	
	60°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	

45782
NG T
INH
LEA
TNA
P HỒ C

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Phùng Thị Minh Châu
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nội dung nhãn phụ sản phẩm

Tên sản phẩm: BAO BÌ PHỨC HỢP DÙNG ĐỂ Đựng THỰC PHẨM DẠNG LỎNG

Thành phần: Polyethylene (PE) (Lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm): Polyethylene (PE), Polyethylene (PE), Polyolefin chứa khoáng chất có sắc tố trắng và đen (PE(Carbon Black)), Polyolefin biến tính (PE(Tie)), EVOH, Polyolefin biến tính (PE(Tie)), Polyolefin chứa khoáng chất có sắc tố trắng (PE), Polypropylen (PP) và mực in;

Thông số kỹ thuật:

Dung tích: 125 ml, 200 ml, 250 ml

Kích thước (H x W): 130 mm x 103.3 mm, 165 mm x 103.3 mm, 185 mm x 103.3 mm.

Khối lượng tịnh: 4.6 g/túi; 5.6 g/túi, 6.1 g/túi ($\pm 0.5g$)

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng: Đóng gói thực phẩm dạng lỏng. Sử dụng 1 lần. Phù hợp sử dụng với máy chiết rót Ecolean. Sử dụng trong điều kiện nhiệt độ: 15-30°C.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ô nhiễm và ánh nắng trực tiếp. Nhiệt độ bảo quản từ -20°C đến 40°C. Độ ẩm (% RH): 20 – 80

Thông tin cảnh báo: Không để gần ngọn lửa, nguồn nhiệt. Không xếp chồng pallet lên nhau. Ecolean không chịu trách nhiệm về thiệt hại nếu pallet được xếp chồng lên nhau trong quá trình lưu kho. Xác nhận số lượng bằng nhãn này khi nhận hàng. Giữ nhãn gốc tiếng Anh/giữ nhãn gốc để truy xuất nguồn gốc nếu có bất kỳ vấn đề nào.

Xuất xứ: Thụy Điển

Sản xuất tại: Ecolean Aktiebolag

Địa chỉ: PO. Box 812, Se-251 08 Helsingborg, Sweden (Thụy Điển)

Địa chỉ nhà máy: Kielergatan 48, 25232 Helsingborg, Sweden (Thụy Điển)

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY TNHH ECOLEAN VIỆT NAM

Địa chỉ: L15.03, Tầng 15, Tháp A (The Hallmark), Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1 - Số 15, đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 3997 7039

Số TCB: 01/ECL/2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Hình ảnh tem nhãn sản phẩm

(Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn, nên mẫu nhãn dưới đây chỉ mang tính minh họa)

1. Nhãn trên cuộn

ECOLEAN AKTIEBOLAG
P.O. BOX 812, SE-251 08 HELSINGBORG, SWEDEN

Production date (YYYY-MM-DD)
2025-04-15

Part No 801475 Sales Order 1508 Production Order 2001194

Part Description Ecolean Air Aseptic 125/41473
Name of goods: Plastic laminated bag for aseptic packaging

Décor SuSu HuongDau Strawberry Butterfly

Origin Sweden

End Customer Vietnam Dairy Products JSC (Vinamilk)
Customer Part No

Quantity



1000

Batch No



0000016204

Ecolean AB. Date 12-12-2024
Kielergatan 48, SE-252 32, Helsingborg, Sweden 08:35:32

Part 801243 Sales Order 739 Production Order 2000751

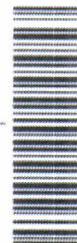
Part Description Ecolean Air Aseptic 125/40705
Reel Good Rasa Stroberi

Décor

Origin Sweden

End Customer PT. So Good Food
Customer Part No 15002985

Quantity



5000

Batch



0000007523

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Phùng Thị Minh Châu
KẾ TOÁN TRƯỞNG

2. Nhãn pallet

300010155



Sales Order

1067

Production Order

2000877

Production Date



24-04-2025

Expiration Date



24-04-2026



Part

801598

Part description/ Décor no
Ecolean Air Aseptic 125/41782

Décor
KUN DKY Strawberry
125ml

End Customer

Ecolean Vietnam

Customer Part

201000050

Reel Id

Qty

0000136099 7000 PC

0000136108 7000 PC

0000136090 7000 PC

0000136101 7000 PC

0000136103 7000 PC

0000136106 7000 PC

Total Qty

42000 PC

Product name: Plastics laminated bags for normal packaging
Applicable standard: Plastics laminated films and bags using for packaging of liquid food (Regulation (EC) No 1831/2004).
Food Safety standards: food contact material and product (Regulation (EU) No 10/2011)
Main material: Ink/PP/PE/PE(Tie)/EVOH/ PE(Tie)/ PE(Carbon black)/ PE
Food contact layer material: Polymer of ethylene and hexene
The package only use with condition: Liquid food $\leq 40^{\circ}\text{C}$
How to use: Suitable for matching Ecolean filling machines
Shelf-life: One year from the production date
Storage condition: Store in cool and dry stock. Keep clean and avoid pollution during storage

Precautions

Store in single pallet or double stack with rigid board between the pallets.
In order to avoid damage, suggest to use the transportation tools when handling.
Confirm the quantity with this label when receiving goods.
Keep this label for traceability if there is any problem.

Manufacture: Ecolean AB

Address: Kielergatan 48, SE-252 32

Origin

Sweden

ecolean
a lighter approach to packaging

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



HU 300068992



Sales Order

1508

Part No
801475

Part description/ Décor no
Ecolean Air Aseptic 125/41473

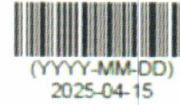
End Customer
Ecolean Vietnam

Batch No Qty
0000016204 1000 PC

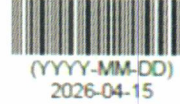
Total Qty 1000

Production Order
2001194

Production Date

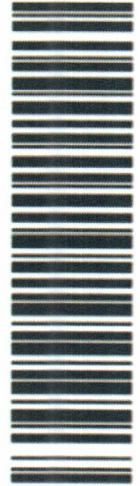


Expiration Date



Décor
SuSu HuongDau
Strawberry Butterfly

Customer Part No



Name of goods: Plastic laminated bag for aseptic packaging.
Applicable standard: EC no. 1935/2004, EC no 10/2011.
Main material: Ink / PP / PE / PE(Tie) / EVOH / PE(Tie) / PE(Carbon black) / PE / PE
Food contact layer material: Polymer of ethylene and hexene.
The package only use with condition: Material to be used within range 15-30°C.
How to use: Suitable for matching Ecolean filling machines.
Shelf-life: One year from the production date.
Storage condition: Store in cool and dry stock. Keep clean and avoid pollution during storage.

Manufacturer: ECOLEAN AKTIEBOLAG
Address: P.O. BOX 812, SE-251 08 HELSINGBORG, SWEDEN
Phone: +46 (0)10 459 00 00

Precautions
Do not double stack pallets. Ecolean do not take responsibility for damages if pallets are double stacked during warehouse storage.
Confirm the quantity with this label when receiving goods. Keep this label for traceability if there is any problem.

Origin
Sweden

ecolean
a lighter approach to packaging

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Tên sản phẩm: BAO BÌ PHỨC HỢP DÙNG ĐỂ ĐỰNG THỰC PHẨM DẠNG LỎNG

Thành phần: Polyethylene (PE) (Lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm): Polyethylene (PE), Polyethylene (PE), Polyolefin chứa khoáng chất có sắc tố trắng và đen (PE(Carbon Black)), Polyolefin biến tính (PE(Tie)), EVOH, Polyolefin biến tính (PE(Tie)), Polyolefin chứa khoáng chất có sắc tố trắng (PE), Polypropylen (PP) và mực in;

Thông số kỹ thuật:

Dung tích: 125 ml, 200 ml, 250 ml

Kích thước (H x W): 130 mm x 103.3 mm, 165 mm x 103.3 mm, 185 mm x 103.3 mm.

Khối lượng tịnh: 4.6 g/túi; 5.6 g/túi, 6.1 g/túi ($\pm 0.5g$)

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng: Đóng gói thực phẩm dạng lỏng. Sử dụng 1 lần. Phù hợp sử dụng với máy chiết rót Ecolean. Sử dụng trong điều kiện nhiệt độ: 15-30°C.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ô nhiễm và ánh nắng trực tiếp. Nhiệt độ bảo quản từ -20°C đến 40°C. Độ ẩm (% RH): 20 – 80

Thông tin cảnh báo: Không để gần ngọn lửa, nguồn nhiệt. Không xếp chồng pallet lên nhau. Ecolean không chịu trách nhiệm về thiệt hại nếu pallet được xếp chồng lên nhau trong quá trình lưu kho. Xác nhận số lượng bằng nhãn này khi nhận hàng. Giữ nhãn gốc tiếng Anh/giữ nhãn gốc để truy xuất nguồn gốc nếu có bất kỳ vấn đề nào.

Xuất xứ: Thụy Điển

Sản xuất tại: Ecolean Aktiebolag

Địa chỉ: PO. Box 812, Se-251 08 Helsingborg, Sweden (Thụy Điển)

Địa chỉ nhà máy: Kielergatan 48, 25232 Helsingborg, Sweden (Thụy Điển)

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY TNHH ECOLEAN VIỆT NAM

Địa chỉ: L15.03, Tầng 15, Tháp A (The Hallmark), Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1 - Số 15, đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 3997 7039

Số TCB: 01/ECL/2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



ĐA

BẢN DỊCH

ECOLEAN AKTIEBOLAG

Ngày sản xuất: (YYYY-MM-DD)

P.O.BOX 812, SE-251 08 HELSINGBORG, SWEDEN

15/04/2025

Mã số: 801475

Đơn đặt hàng 1508

Lệnh sản xuất 2001194

Phần mô tả

Thiết kế

Xuất xứ

Ecolean Air Aseptic 125/41473

SuSu Hương dâu Dâu Bướm Bướm

Thủy Điền

Tên hàng hóa: **BAO BÌ PHỨC HỢP DÙNG ĐỂ ĐỰNG THỰC PHẨM DẠNG LÔNG**

Số lượng

Khách hàng cuối cùng

Khách hàng số

CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk)

Số lô



0000016204



1000

Ecolean AB

Ngày sản xuất: 12-12-2024

Kielergatan 48, 25232 Helsingborg, Sweden

08:35:32

Mã số: 801243

Đơn đặt hàng 739

Lệnh sản xuất 2000751

Phần mô tả

Thiết kế

Xuất xứ

Ecolean Air Aseptic 125/40705

Reel Good Rasa Stroberi

Thủy Điền

Số lượng

Khách hàng cuối cùng

Khách hàng số

PT.So Good Food

15002985

Số lô



0000007523



5000



Công ty TNHH ECOLEAN Việt Nam

(Đã ký và đóng dấu)

Kế toán trưởng_ Phùng Thị Minh Thu

U

K

BẢN DỊCH

ECOLEAN AKTIEBOLAG
P.O. BOX 812, SE-251 08 HELSINGBORG, SWEDEN

Production date (YYYY-MM-DD)
2025-04-15

Part No 801475 Sales Order 1508 Production Order 2001194

Part Description: Ecolean Air Aseptic 125/41473
Décor: SuSu HuongDau Strawberry Butterfly
Origin: Sweden
Name of goods: Plastic laminated bag for aseptic packaging

End Customer: Vietnam Dairy Products JSC (Vinamilk)
Customer Part No

Quantity



1000

Batch No



0000016204

Ecolean AB.
Kielergatan 48, SE-252 32, Helsingborg, Sweden

Date: 12-12-2024
08:35:32

Part 801243 Sales Order 739 Production Order 2000751

Part Description: Ecolean Air Aseptic 125/40705
Décor: Reel Good Rasa Stroberi
Origin: Sweden

End Customer: PT. So Good Food
Customer Part No: 15002985

Quantity



5000

Batch



0000007523

Handwritten mark

Handwritten mark

Tôi, Nguyễn Thị Mai Hiên, CCCD số: 001300010089 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.

Người dịch

K

Nguyễn Thị Mai Hiên

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 26 tháng 05 năm 2025 (Ngày hai mươi sáu, tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Nguyễn Thị Mai Hiên, CCCD số: 001300010089 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Nguyễn Thị Mai Hiên;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 bản chính, mỗi bản gồm 3 tờ, 3 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 28680 Quyền số: 01 /2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

Hình ảnh tem nhãn sản phẩm

(Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn, nên mẫu nhãn dưới đây chỉ mang tính minh họa)

1. Nhãn trên cuộn

ECOLEAN AKTIEBOLAG
P.O. BOX 812, SE-251 08 HELSINGBORG, SWEDEN

Production date (YYYY-MM-DD)
2025-04-15

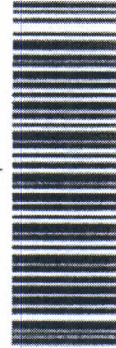
Part No 801475 Sales Order 1508 Production Order 2001194

Part Description Décor Origin
Ecolean Air Aseptic 125/41473 SuSu HuongDau Strawberry Sweden
Butterfly

Name of goods: Plastic laminated bag for aseptic packaging

End Customer Customer Part No
Vietnam Dairy Products JSC (Vinamilk)

Quantity



1000

Batch No



0000016204

Ecolean AB. Date 12-12-2024
Kielergatan 48, SE-252 32, Helsingborg, Sweden 08:35:32

Part 801243 Sales Order 739 Production Order 2000751

Part Description Décor Origin
Ecolean Air Aseptic 125/40705 Reel Good Rasa Stroberi Sweden

End Customer Customer Part No
PT. So Good Food 15002985

Quantity



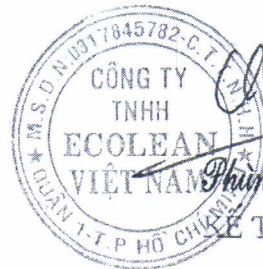
5000

Batch



0000007523

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Phung Thị Minh Chu
KẾ TOÁN TRƯỞNG





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 5 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02358AHD5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/05/2025
Page 01/03

Phiếu kết quả thử nghiệm này KT3-02358AHD5/1/R thay thế phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-02358AHD5/1 ngày 16/05/2025

This test report KT3-02358AHD5/1/R replaces for test report No. KT3-02358AHD5/1 date 16/05/2025

- Tên mẫu : BAO BÌ PHỨC HỢP DÙNG ĐỂ DỰNG THỰC PHẨM DẠNG LÔNG
Name of sample
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
(xem hình trang 03/03/ *see picture on page 03/03*)
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 09/05/2025
Date of receipt
- Thời gian thử nghiệm : 12/05/2025 - 16/05/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH ECOLEAN VIỆT NAM
Customer
L15.03, Tầng 15, Tháp A (The Hallmark), Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1 - Số 15, đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo
Test results
Refer to next page

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
PP. HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.

Tiêu Trọng Minh Luân

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3011 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
 Testing Complex: 0 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 0 64 lot, Long Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02358AHD5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/05/2025
 Page 02/03

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)</i>	-	ASTME 1252 – 98 (2021)	-	Poly-ethylene	-
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THỜI NHIỆM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	< 10,0 (++)	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*

(++) Giới hạn định lượng/ *Limit of quantification*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

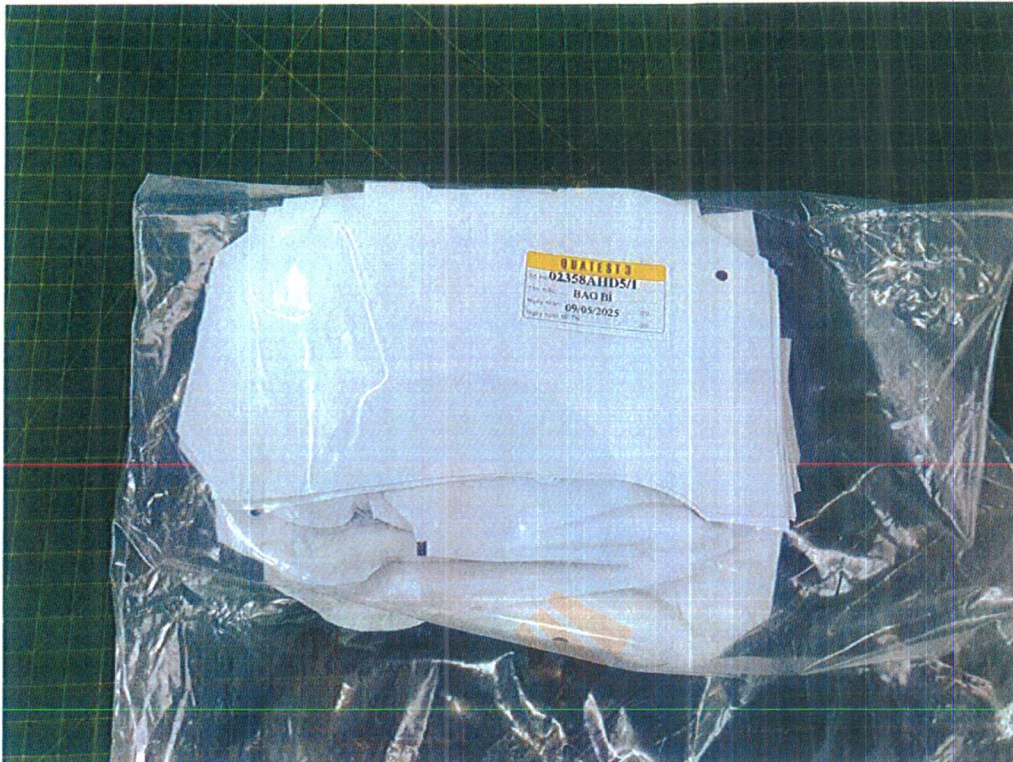
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-02358AHD5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/05/2025
 Page 03/03



Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của Khách hàng qua công văn số 2505/ECOLEAN ngày 22/05/2025
The information was changed according to customer's official document No. 2505/ECOLEAN date 22/05/2025

V/v: Xin điều chỉnh tên mẫu trên phiếu kết quả thử nghiệm

Nội dung / Item	Ban đầu / Initial	Thay đổi / Change as
Tên mẫu Name of sample	BAO BÌ PHỨC HỢP DÙNG ĐỂ ĐỰNG THỰC PHẨM DẠNG LÔNG - ECOLEAN AIR ASEPTIC (CÓ LỚP TIẾP XÚC TRỰC TIẾP VỚI THỰC PHẨM LÀ PE) (XUẤT XỨ THỤY ĐIỂN)	BAO BÌ PHỨC HỢP DÙNG ĐỂ ĐỰNG THỰC PHẨM DẠNG LÔNG



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.